

**CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS VƯỢNG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS VƯỢNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BDS VUONG PHAT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109057406

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

132 Nguyễn Tuấn, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động;<br>- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản;                                                                                                                                              | 6820        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; | 4669        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2220        |
| 5.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2431        |
| 6.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2511        |
| 7.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2512        |
| 8.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4773        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);<br>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...;<br>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;<br>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;<br>- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; | 9329 |
| 10. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9620 |
| 11. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9631 |
| 12. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4633 |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4632 |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4723 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4722 |
| 16. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1629 |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8230 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310 |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2592 |
| 20. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2640 |
| 21. | Đúc kim loại màu (trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2432 |
| 22. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2750 |
| 23. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4390 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4784 |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý, môi giới hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5629 |

**6. Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ THUYẾT HÀ | Số 6, Ngõ 116 phố Nhân Hoà, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 1.350.000  | 13.500.000.000        | 45,000    | 030178001360                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số                   | 1.350.000  | 13.500.000.000        | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THU HỒNG      | Số 150 Nguyễn Trãi, Phố An Trung, Thị trấn Kinh Môn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 10,000    | 142522389                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ HUỆ | Số 612, CT4C, Đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.350.000 | 13.500.000.000 | 45,000 | 033165001342 |
|   |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                      | Tổng số                   | 1.350.000 | 13.500.000.000 | 45,000 |              |
|   |                |                                                                                      |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ THUÝ HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030178001360

Ngày cấp: 27/03/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6, Ngõ 116 phố Nhân Hoà, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6, Ngõ 116 phố Nhân Hoà, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội